

Bản án số: 48/2026/HNGĐST

Ngày: 22/01/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bé.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Thanh.
2. Ông Nguyễn Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị H, sinh năm 1982. Có mặt

- Bị đơn: Ông Dương Ngọc L, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, khối phố Q, phường P, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Cao Thị H trình bày:

Bà Cao Thị H và ông Dương Ngọc L tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/10/2006 tại UBND xã T thành phố Tam Kỳ (nay là UBND Phường Q, thành phố Đà Nẵng). Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, ông L hay say xỉn, không lo làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, bà Hồng đã nhiều lần gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, sau khi được Tòa án hòa giải, bà Hồng cũng rút đơn để cho đoàn tụ gia đình nhưng khi về ông L vẫn không thay đổi, vẫn chứng nào tật nấy, vợ chồng không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà Cao Thị H và ông Dương Ngọc L có hai con chung, gồm: Dương Ngọc B, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2007, hiện nay đã lớn, đủ khả năng lao động để nuôi bản thân nên không yêu cầu Tòa giải quyết và Dương Thị Thanh T, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2009. Khi ly hôn, bà H mong muốn được

nuôi dưỡng con Dương Thị Thanh T cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Dương Ngọc L trình bày:* Ông thống nhất quan hệ hôn nhân, con chung như bà Cao Thị H trình bày, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc, tuy đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn, nhưng không đến mức trầm trọng, ông thừa nhận quá trình chung sống ông có sai với gia đình, ông hứa sửa đổi nên yêu cầu Tòa án hoà giải cho đoàn tụ, ông còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Nếu phải ly hôn, ông yêu cầu được nuôi cháu Dương Thị Thanh T, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2009, cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Cao Thị H cấp dưỡng nuôi con. Cháu Dương Ngọc B, sinh ngày 26/6/2007 hiện nay đã lớn, đủ khả năng lao động để nuôi bản thân nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình được quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Dương Ngọc L vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa là không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Cao Thị H được ly hôn với ông Dương Ngọc L; giao con chung Dương Thị Thanh T, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2009 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Cao Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, người trực tiếp nuôi con khi ly hôn. Bị đơn ông Dương Ngọc L cư trú tại phường Quảng Phú, thành phố Đà Nẵng. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5- Đà Nẵng.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Dương Ngọc L vắng mặt không có lý do lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị H và ông Dương Ngọc L tự

nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (nay là phường Q, thành phố Đà Nẵng) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01 ngày 05 tháng 10 năm 2006. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà H và ông L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H trình bày là quan điểm sống không hợp nhau, ông L hay say xỉn, không lo làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, bà đã nhiều lần gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, sau khi được Tòa án hòa giải, bà H đã rút đơn để cho ông L cơ hội đoàn tụ gia đình nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, ông L vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Hồng yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn. Ông L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, bản thân có sai với gia đình, nhưng ông không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng bà Hồng và ông L đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng khi về chung sống, cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, bà Hồng vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng bà H cương quyết ly hôn; tại phiên tòa, bà Hồng giữ nguyên yêu cầu ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn. Từ các phân tích trên, xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà H được ly hôn ông L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[2.2] Về con chung: Bà Cao Thị H và ông Dương Ngọc L có 02 con chung là Dương Ngọc B, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2007, hiện nay đã lớn, có khả năng lao động để nuôi bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và Dương Thị Thanh T, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2009, bà H và ông L đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi. Tại bản trình bày của mình, con chung Dương Thị Thanh T có nguyện vọng được sống cùng ông bà nội.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *“Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...”*, *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Căn cứ quy định trên, thì nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ, cha mẹ có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn, việc xem xét nguyện vọng của con là cần thiết nhưng không phải là căn cứ duy nhất để quyết định người trực tiếp nuôi con, việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy, việc cả bà H và ông L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Dương Thị Thanh T là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật; xét về điều kiện nuôi con thì bà H và ông L đều có công việc, thu nhập, đủ điều kiện về kinh tế, thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Tuy nhiên, xét

hiện nay cháu T là con gái, đang ở tuổi dậy thì, có sự thay đổi về tâm sinh lý nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc, hướng dẫn trực tiếp từ người mẹ; mặt khác, sau khi ly hôn, bà H có nơi sinh sống gần nơi ông bà nội của cháu T đang sinh sống, điều này tạo điều kiện cho cháu T được gần gũi với ông bà nội, phần nào phù hợp với mong muốn của cháu T là được sống cùng ông bà nội. Từ các phân tích trên, xét thấy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu T, cần giao cháu T cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế; ông L có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Cao Thị H đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, không yêu cầu ông Dương Ngọc L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Bà Cao Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn ông Dương Ngọc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị H được ly hôn ông Dương Ngọc L.

- Về con chung: Giao con chung Dương Thị Thanh T, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2009 cho bà Cao Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Dương Ngọc L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005347 ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Cao Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông Dương Ngọc L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND KV5-Đà Nẵng;
- Phòng THADS KV5-Đà Nẵng;
- UBND phường Quảng Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Bé

